

# QUAN HỆ NGOẠI GIAO CỦA TRIỀU TIÊN VÀ ĐẠI VIỆT VỚI NHÀ MINH ĐẦU THẾ KỶ XV - GÓC NHÌN SO SÁNH

NGUYỄN NHẬT LINH\*

Cho đến cuối thế kỷ XIV, Triều Tiên và Đại Việt chia sẻ nhiều điểm tương đồng về mặt lịch sử, đặc biệt là trong quan hệ ngoại giao với triều Minh; nhưng trong những năm đầu của thế kỷ XV, mối quan hệ giữa hai quốc gia này với triều Minh đã chuyển biến theo hai hướng hoàn toàn khác biệt. Vương triều Lý ở Triều Tiên tiếp tục giữ được mối quan hệ tương đối hòa bình và ngày càng ổn định với triều Minh; còn triều Hồ đã phải đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược, sau đó Đại Việt (1) bị triều Minh thống trị trong hai thập kỷ. Cuộc xâm lược của vương triều Minh với Đại Việt đã là một sự kiện quan trọng, tạo ra biến động về chính trị và ngoại giao đối với Đông Á. Triều Tiên cũng là một trong số các quốc gia chịu ảnh hưởng từ những biến động đó. Từ vị thế của Triều Tiên, sự xâm lược của triều Minh ở Đại Việt năm 1407 rất có thể sẽ kéo theo những biến động không thể đoán trước trong quan hệ của nước này với nhà Minh, đặc biệt là khi Triều Tiên và Đại Việt có nhiều những tương đồng về vị trí địa lý gần kề và các mối bang giao với triều Minh. Dù vậy, với

chính sách đối ngoại hợp lý, Triều Tiên đã duy trì được nền độc lập và tránh được nguy cơ rơi vào hoàn cảnh như Đại Việt.

Hiện tượng của Đại Việt và Triều Tiên đầu thế kỷ XV là một biểu hiện cho thấy mô hình và trật tự mối quan hệ giữa Triều Minh với các quốc gia láng giềng có thể chuyển biến theo những con đường khác biệt. Trật tự *Thiên tử - Chư hầu* giữa Triều Minh với Triều Tiên và mối quan hệ triều cống được duy trì ổn định là sự đảm bảo một cách tương đối đối với nền độc lập của Triều Tiên và sự tồn tại vững chắc của vương triều Lý. Trong khi đó, mô hình đó và mối quan hệ *sắc phong - triều cống* giữa Triều Minh với Việt Nam đã đột ngột chuyển sang sự xâm lược và thống trị trực tiếp của triều Minh ở Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu các hoạt động ngoại giao của Đại Việt và Triều Tiên với triều Minh trong những năm đầu thế kỷ XV để tìm ra những tương đồng và dị biệt trong đường lối đối ngoại của hai nước trong việc xác lập và duy trì quan hệ với triều Minh, từ đó tìm kiếm những nguyên nhân dẫn đến

\* ThS. Trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG HN

những hệ quả khác biệt đối với hai quốc gia trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XV.

### 1. Sự thiết lập quan hệ ngoại giao của Triều Tiên và Đại Việt với triều Minh đầu thế kỷ XV

Một đặc điểm chung giữa Triều Tiên và Đại Việt là, sau khi thành lập vương triều, cả hai quốc gia này đều phải trải qua một thời gian nỗ lực thiết lập quan hệ ngoại giao với triều Minh mà không được công nhận.

Từ năm 1393, Triều Tiên Thái Tổ Yi-Seong-Gye (1392-1398), ngay từ sau khi nắm quyền và xây dựng vương triều trong nước, dưới danh nghĩa của Goryeo (Cao Ly), đã sai các sứ giả sang xin sự công nhận của triều Minh và đặt quan hệ ngoại giao (2). Theo đó, sứ giả của Yi-Seong-Gye tới triều Minh thông báo sự thay đổi vương triều, và xin đổi quốc hiệu thành Joseon (Triều Tiên), nhưng không nhận được sắc phong. Trong những năm 1393-1394, Hồng Vũ còn coi ông là kẻ cướp đoạt quyền hành và gây nên bạo loạn ở Goryeo nên từ chối sắc phong Yi-Seong-Gye và đe dọa dùng quân sự trừng phạt họ Lý (3). Sau gần 10 năm, đến tháng 2 và 3 năm 1401, Hồng Vũ mới gửi tới Triều Tiên một chiếu thư, trong đó khen ngợi họ Lý có nhiều công lao trong việc cai trị đất nước, tiêu trừ nội loạn, nhưng vẫn chỉ công nhận họ Lý là người đứng đầu Triều Tiên với tước vị "Quyền tri quốc sự". Tới tận tháng 6 năm 1401, Triều Tiên Thái Tông Yi-Pang-Won (1400-1418) mới nhận được sắc phong tước hiệu "Triều Tiên quốc vương" từ nhà Minh (4).

Ở Đại Việt, sau khi vua Trần Nghệ Tông qua đời, Hồ Quý Ly với chức vị là "Phụ chính đại thân" đã nắm giữ toàn quyền cai quản trong nước và đã cử sứ giả sang Triều Minh tiến hành nhiều hoạt động triều cống từ những năm cuối thế kỷ XIV. Tuy nhiên, triều Minh coi việc nắm quyền của Hồ Quý Ly là sự soán đoạt quyền lực nên đã cấm

các hoạt động cống nạp của Đại Việt cho tới năm 1403, khi hoàng đế Vĩnh Lạc lên ngôi (5). Cũng chính từ năm này, những chuyển biến to lớn trong quan hệ Minh - Đại Việt bắt đầu diễn ra liên tiếp tại Nam Kinh - nơi Vĩnh Lạc tiếp kiến sứ thần. Do vậy, Nam Kinh cũng đồng thời là nơi sứ giả tới từ Đại Việt và Triều Tiên nỗ lực thiết lập, củng cố mối quan hệ với Triều Minh và đấu tranh bảo vệ nền độc lập. Nam Kinh là nơi chứng kiến những chuyển biến trong quan hệ Minh - Đại Việt dẫn tới sự bùng phát của cuộc chiến tranh vào năm 1406-1407, cũng đồng thời là nơi sứ giả Triều Tiên đã có những thông tin và hiểu biết về những sự kiện ấy và liên tục ứng biến với những thay đổi đó để duy trì trạng thái hòa bình của nền ngoại giao.

Năm 1403 ở Trung Quốc, hoàng đế Vĩnh Lạc lên ngôi đã đưa vương triều Minh vào một thời kỳ phát triển thịnh đạt trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quân sự. Vĩnh Lạc đã xây dựng một bộ máy trung ương tập quyền mạnh, dựa trên tiềm lực quân sự của mình mở rộng cuộc chiến tranh chống Mông Cổ, xâm lược Đại Việt, thiết lập những quan hệ với nhiều quốc gia ở khu vực Trung Á, thiết lập và thể thức hóa các quan hệ buôn bán giữa nhà Minh với Nhật Bản và nên hải thương với nhiều láng giềng, đồng thời mở rộng những ảnh hưởng của nhà Minh thông qua những chuyến thám hiểm hàng hải ở vùng biển phía Nam và Tây Nam. Trong khi đó, ở Đại Việt, Hồ Quý Ly thành lập vương triều Hồ, đổi quốc hiệu thành Đại Ngu, tiến hành nhiều cuộc cải cách trên các mặt kinh tế, xã hội, hành chính, pháp luật và khoa cử trong nước nhưng không đạt được nhiều thành công vì họ Hồ không giành được sự ủng hộ từ dân chúng và nhiều quan lại, sĩ phu. Sự thay đổi ngôi vị hoàng đế ở Triều Minh và vương triều ở Đại Việt đặt ra yêu cầu cho Đại Việt trong sự xác lập và duy trì quan hệ ngoại giao với triều Minh.

Từ năm 1402, Vĩnh Lạc đã gửi thư cho những nước láng giềng, bố cáo việc lên ngôi của mình và chiêu dụ các nước thần phục. Ngày 3 tháng 10 năm 1402, ông sai sứ mang chiếu lên ngôi dụ các nước Đại Việt, Champa, Xiêm La, Java, Lưu Cầu, Nhật Bản, Tây Dương, Tô Môn Đáp Lạt. Bản chiếu đầu tiên được gửi đi này thể hiện rõ ý của Vĩnh Lạc trong việc sẵn sàng tiếp nhận triều cống và thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước (6). Chiếu dụ đầu tiên đó của Vĩnh Lạc với các nước láng giềng đã thể hiện rõ sự khác biệt trong đường lối ngoại giao của Vĩnh Lạc với thời Hồng Vũ. Dưới thời Hồng Vũ, quan niệm về *Hoa-Di* và trật tự giữa người Triều Minh với các xứ *Man* được thể hiện rất rõ khi quan hệ giữa Trung Hoa với các láng giềng nói chung đều được thiết lập dựa trên quan hệ triều cống-sắc phong. Vĩnh Lạc lại thể hiện sự sẵn sàng tiếp nhận cống nạp, cho rằng “bốn biển một nhà, không coi nước nào là ngoài, hề có lòng thành đến cống đều được chấp nhận”, và khoan hồng, bỏ qua việc hủy kỵ và phạm pháp với các nước mà Vĩnh Lạc gọi là “người phương xa”. Đây cũng chính là một cơ hội để cả Đại Việt và Triều Tiên có được những bước tiến trong việc xác lập quan hệ và sự công nhận từ triều Minh.

Sau chiếu thư của Vĩnh Lạc, ngày 3 tháng 4 năm 1403 nhà Hồ đã cử sứ giả tới triều Minh, nói rằng dòng dõi họ Trần đã đứt mạch, trong nước Hồ Đê (7) đứng ra thay mặt triều đình giữ chức “An Nam quyền lý quốc sự”, cai quản mọi việc trong nước. Theo đó, sứ đoàn mang theo sản vật triều cống Trung Hoa và thỉnh sắc phong cho họ Hồ làm “An Nam Quốc vương” (8). Hành động này của Đại Việt một mặt là sự đáp lễ với chiếu thư lên ngôi mà Vĩnh Lạc gửi tới. Cùng với sản vật địa phương để cống nạp và dâng biểu chúc mừng việc lên ngôi của Vĩnh Lạc, sứ giả Đại Việt cũng đồng thời tâu trình về tình

ình Đại Việt để thỉnh sắc phong (9). Cũng trong ghi chép nói trên của *Minh thực lục*, đoàn sứ giả Triều Tiên, dẫn đầu bởi sứ thần Yi-Kuy-Ryeong cũng hiện diện tại triều đình nhà Minh. Yi-Kuy-Ryeong được diện kiến Hoàng đế triều cống sản vật địa phương và dâng biểu chúc mừng (10).

Dù vậy, việc thỉnh sắc phong không được triều Minh chấp nhận ngay mà còn viện cố nghi ngờ lời sứ giả Đại Việt nên cử người sang điều tra; điều này dẫn tới hàng loạt nỗ lực của họ Hồ trong thời gian những năm 1403, 1404 để khẳng định tính chính thống của mình và để tạo sự ổn định trong quan hệ ngoại giao với nhà Minh. Ngày 5 tháng 5 năm 1403, Vĩnh Lạc sai hành nhân Dương Bột tới dụ Bồi thân và kỹ lão ở Đại Việt, nói rằng lời Hồ Hán Thương khi xin phong tước vương chưa thể tin ngay, nên hỏi về hai việc: “Con cháu họ Trần nổi dõi, còn hay không có ai?” và: “Việc suy lập Hồ Đê, có thực hay dối trá?”. Chỉ đến cuối năm 1403, khi sứ giả Đại Việt theo hành nhân Dương Bột về nước, dâng tấu chương của kỹ lão và bồi thân Đại Việt, chứng thực việc dòng dõi họ Trần không còn con cháu, việc Hồ Hán Thương là cháu ngoại vua Trần, được dân chúng trong nước tôn làm Quyền tri quốc sự, lo việc trong nước và tông miếu họ Trần, do vậy thỉnh triều đình Minh thuận lòng dân chúng ban tước mệnh cho họ Hồ. Đây chính là cơ sở để đến Vĩnh Lạc sai sứ sang Đại Việt, phong Hồ Hán Thương làm “An Nam quốc vương” vào ngày 6 tháng 1 năm 1404 (11).

Cùng trong ngày Vĩnh Lạc sắc phong triều Hồ, một sứ đoàn của Triều Tiên, dẫn đầu bởi chính sứ Yi-Pin cũng hiện diện ở triều Minh để dâng tấu tạ ân. Yi-Pin mang theo một bản tấu giải thích và biện minh cho lòng trung thành và tiểu sử, tông hệ của Triều Tiên Thái Tông Yi-Pang-Won (Lý Phương Viễn) ngay từ thời kỳ của vương triều Goryeo (12). Nỗ lực ngoại giao này của Triều Tiên có thể được

xem là nhằm xây dựng vững chắc hơn vương vị của dòng họ Lý, đã được triều Minh sắc phong cho Yi-Pang-Won. Mười ngày sau đó, Vĩnh Lạc cử Thượng thư bộ Lễ Hạ Chỉ Thiện tới Đại Việt ban bố chiếu thư, lần đầu tiên sắc phong Hồ Hán Thương là “An Nam quốc vương” và công nhận vương triều Hồ ở Đại Việt. Các sứ giả Triều Tiên cũng đạt được mục đích khi Yi-Pin sau đó quay trở lại Triều Tiên vào ngày 27 tháng 3 năm 1404, mang theo chiếu thư của của triều Minh, trong đó nhắc lại việc thần phục và cống nạp của Triều Tiên, đồng thời, nói lại quá trình họ Lý ở Triều Tiên được nhận sắc phong “Triều Tiên quốc vương” (13).

Quá trình thiết lập quan hệ ngoại giao của họ Lý và họ Hồ với triều Minh từ những năm cuối của thế kỷ XIV đã gặp phải nhiều khó khăn khi triều Minh nhiều lần từ chối công nhận sự tồn tại của vương triều này. Mặc dù vậy, trải qua gần 10 năm, những nỗ lực của sứ giả Triều Tiên và Đại Việt đã đạt được thành tựu nhất định khi đến đầu năm 1404, cả hai quốc gia đều đã nhận được sự công nhận và sắc phong chính thức. Dù điều đó là một sự đảm bảo tương đối cho vị thế độc lập và mối quan hệ tương đối bình ổn của hai nước này với nhà Minh, sự công nhận và đảm bảo hết sức mong manh đó đã chuyển biến hết sức nhanh chóng theo hai hướng khác nhau kể từ năm 1404. Đối với Triều Tiên, họ Lý tiếp tục duy trì mối quan hệ triều cống - sắc phong với nhà Minh, trong khi vương triều Hồ lại gặp phải sự thay đổi thái độ hoàn toàn của triều Minh, dẫn tới cuộc chiến tranh xâm lược năm 1406-1407.

## 2. Những thay đổi trong quan hệ Minh - Đại Việt và ứng xử của Triều Tiên

Những thay đổi mang tính bước ngoặt trong quan hệ giữa hai nước Đại Việt và nhà Minh trong thời gian từ 1404 đến 1406. Những sự kiện liên quan đến tính chính thống của vương triều Hồ, tranh chấp ở biên

giới Đại Việt với triều Minh, xung đột giữa Đại Việt với Champa... đã là những cái cớ để triều Minh phát động cuộc chiến tranh xâm lược. Từ năm 1404, Nam Kinh đã chứng kiến sự thay đổi thái độ của nhà Minh và Vĩnh Lạc với Đại Việt khi những thông tin và sự tố cáo họ Hồ nối tiếp nhau truyền tới. Champa đã nhiều lần gửi sứ giả tới Trung Quốc, vừa cống sản vật địa phương, thực hiện nghi thức ngoại giao nhưng cũng rất thường xuyên dâng biểu văn nói rằng nước này bị Đại Việt tiến đánh, quấy nhiễu hay xâm lược vùng biên giới. Dựa trên những tố cáo này, Vĩnh Lạc lập tức đã thể hiện thái độ rắn de và muốn trừng phạt Đại Việt. Điều này khác hẳn so với thái độ trung lập và gần như không can thiệp vào tranh chấp giữa hai nước dưới thời Hồng Vũ. Ngoài ra, sự tranh chấp về lãnh thổ ở vùng biên giới Đại Việt với Triều Minh cũng là một cái cớ mà triều Minh tuyên bố để phát động xâm lược Đại Việt (14).

Thái độ của nhà Minh về tính chính thống của họ Hồ và vương vị ở Đại Việt là một sự biến quan trọng trong quan hệ Minh - Đại Việt những năm đầu thế kỷ XV. Đây chính là nguyên cơ trực tiếp và chủ yếu nhất mà nhà Minh đã dựa vào để đưa quân sang Đại Việt từ năm 1406. Những chuyển biến này bắt đầu từ ngày 10 tháng 9 năm 1404, khi một người là Bùi Bá Kỳ tới triều Minh, tự nhận là bồi thân của họ Trần ở Đại Việt. Bùi Bá Kỳ tâu rằng Hồ Quý Ly đã giết chúa soán ngôi, giết dòng họ của ông ta, khiến Bùi Bá Kỳ phải bỏ trốn vào rừng, đóng giả cùng với lái buôn, chạy đến phủ Tư Minh, Quảng Tây và được quan ti đưa đón tới Nam Kinh. Bùi Bá Kỳ xin Vĩnh Lạc “mang quân cứu dân phạt tội, nối dõi dòng chính thống bị đứt” để lập lại con cháu họ Trần (15).

Chưa đầy một tháng sau, ngày 2 tháng 10 năm 1404, quân dân Tuyên ủy sứ Lão Qua (Ai Lao) sai sứ bộ hộ tống một người tự xưng là Trần Thiêm Bình (16) đến triều Minh.

Người này tâu lên rằng mình vốn là cháu dòng họ Trần, tố việc Hồ Quý Ly lộng quyền ở Đại Việt, giết Trần, cướp ngôi đổi họ, đổi quốc hiệu, khiến Thiêm Bình phải bỏ chạy tới Nam Kinh. Đáng chú ý là trong lời tâu của mình, Thiêm Bình còn nói việc Hồ Quý Ly cho quân đánh phá Champa, bắt Champa phải nội thuộc, chiếm phủ Tư Minh để cướp đất đai, dùng pháp luật tàn khốc, bóc lột nhân dân. Theo đó, Trần Thiêm Bình cầu cứu nhà Minh, xin vua Minh diệt họ Hồ, “nối lại dòng họ bị tuyệt”.

Thái độ của triều Minh với họ Hồ càng trở nên xấu đi nghiêm trọng khi sau đó, những sứ giả được triều Hồ phái đến bị Bùi Bá Kỳ trách cứ ở Nam Kinh (ngày 25 tháng 1 năm 1405). Sự kiện này được chép trong *Minh thực lục*: “Sứ giả An Nam đến mừng Nguyên Đán. Thiên tử lệnh bộ Lễ đưa Trần Thiêm Bình ra cho gặp. Sứ giả nhận ra cháu Vương cũ, nên kinh ngạc sụp xuống vái và khóc. Bùi Bá Kỳ lên tiếng trách vì đại nghĩa, sứ giả kinh hoảng không đáp được”. Mặc dù tính chính xác của ghi chép này cần phải xem xét, trong sách sử Việt Nam chép Trần Thiêm Bình là kẻ giả mạo con cháu họ Trần nên khó có thể xảy ra việc sứ giả Đại Việt “nhận ra cháu vương cũ”, nhưng sau sự kiện này, Vĩnh Lạc chính thức tuyên bố thái độ thù địch, coi họ Hồ ở Đại Việt là tội nhân và muốn chinh phạt để tru diệt, nói rằng: “[...] Ai ngờ chính y [Hồ Hán Thương] giết chúa soán ngôi, tiếm xưng danh hiệu, thay đổi triều đại, bạo ngược với người trong nước, đánh chiếm đất đai lân quốc, việc làm quỷ thần cũng không dung, thần dân đều lừa phỉnh. Đây là tội nhân của một nước, làm sao mà dung thứ được!” (17).

Dựa trên những nguyên do nói trên, đến ngày 8 tháng 1 năm 1406, Vĩnh Lạc chính thức sắc cho quan Tổng binh Quảng Tây Chinh Nam Đô đốc Đồng tri Hàn Quan, Phó Tướng quân Đô đốc Thiêm sự Hoàng Trung, Hữu Phó Tướng quân Đô đốc Thiêm

sự Lữ Nghi tuyển binh 5000 người, để cùng Hoàng Trung, Lữ Nghi đem đi, hộ tống Trần Thiêm Bình về nước. Đây chính là hành động quân sự đầu tiên của Vĩnh Lạc với Đại Việt, mở đầu cho sự bùng nổ của cuộc chiến tranh trong năm 1406. Đáng chú ý, *Minh thực lục* có chép, sắc dụ của Vĩnh Lạc là đưa chỉ 5000 quân hộ tống Thiêm Bình. Nhưng theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, bấy giờ, triều Minh sai Hàn Quan và Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi, sau đó Hoàng Trung đưa quân đánh vào cửa ải Lãnh Kinh. Điều này đã cho thấy rõ rằng việc triều Minh đưa Trần Thiêm Bình về nước chỉ là cái cớ, mục đích thật sự là dùng quân đội đánh sang Đại Việt. Tuy nhiên, trong lần xuất binh này của quân Minh, triều Hồ sau đó đã cho quân đánh úp, quân Minh không địch nổi, bèn giải Trần Thiêm Bình cho Đại Việt và gửi thư xin hàng.

Đến ngày 29 tháng 4 năm 1406, khi Hoàng Trung về tâu lên triều đình nhà Minh về việc Hồ Hán Thương đánh úp, bắt giết Trần Thiêm Bình, Vĩnh Lạc đã dụ rằng “Tên tiểu xú nước nhỏ bé kia tội ác tày trời, dám ngâm mai phục, mưu gian kế độc. Trẫm có lòng dung nạp, lại bị lừa dối; đến vậy mà không diệt đi, thì binh dùng để làm gì?”, từ đó “quyết ý hưng binh” chinh phạt họ Hồ (18). Sự kiện này chính là mốc mở đầu cho cuộc chiến tranh ác liệt giữa hai nước trong những năm 1406-1407.

Từ cuối năm 1404, khi triều Minh bắt đầu thay đổi thái độ với Đại Việt cũng chính là lúc Triều Tiên nỗ lực để ổn định quan hệ của mình với triều Minh, khẳng định tính chính thống và sự phục tùng của mình. Tháng 8 năm 1404, khi Trần Thiêm Bình xuất hiện tại triều đình nhà Minh, tố cáo họ Hồ và thỉnh cầu Hoàng đế dùng quân đội của mình chinh phạt họ Hồ, báo

thù và lập lại ngôi vị cho dòng họ Trần cũng là thời điểm sứ đoàn của Triều Tiên xuất hiện ở Nam Kinh. Ngày 25 tháng 9 chánh sứ Yi-Nae dẫn đoàn sứ giả Triều Tiên tới xin sắc phong của Hoàng đế triều Minh cho thế tử của Triều Tiên. Yi-Nae xuất hiện tại triều đình nhà Minh vào ngày 16 tháng 12 năm 1404 (19). Ba ngày sau đó, cả phái bộ của Triều Tiên và các sứ giả của Đại Việt đều được gọi đến diện kiến, thực hiện các nghi lễ và dâng sản vật triều cống lên Vĩnh Lạc. Đầu năm 1405, những sứ giả Triều Tiên đã xuất hiện tại triều Minh khi Hoàng đế tuyên bố chinh phạt Đại Việt. Khi triều Minh nhận được tin báo họ Hồ mai phục tấn công đoàn hộ tống và giết Trần Thiêm Bình, *Minh thực lục* chép việc Triều Tiên Thái vương Yi-Pang-Won sai sứ tới Trung Quốc, chính sứ Seol-Mi-Su (1359-1415) đã ở Nam Kinh để triều cống (21).

Có lẽ chính sự hiện diện của sứ giả Triều Tiên tại Nam Kinh đã giúp họ có được những hiểu biết nhất định, và đó chính là cơ sở để Triều Tiên đưa ra những chính sách ngoại giao nhằm bảo vệ nền độc lập. Điều ấy thể hiện rất rõ vào ngày 8 tháng 4 năm 1407 trong một cuộc đàm luận về quân sự và chính sách phòng ngự quốc gia của Triều Tiên, vua Yi-Pang-Won đã nói: “Nghe rằng Hoàng đế chinh phạt An Nam, người An Nam thúc thủ, chết không có ai đối địch”, và khẳng định: “An Nam quốc vương đã tới tôn kính bái cáo với Hoàng đế, nhưng Hoàng đế vẫn có những hành động đó. Nếu Hoàng đế hài lòng, đó là việc tốt, nhưng nếu chúng ta bất cẩn trong lễ *Sự đại*, chắc hẳn Hoàng đế lại dấy binh chinh phạt” (22). Lời bình đó đã cho thấy Triều Tiên đã có những hiểu biết nhất định về diễn biến quan hệ Minh - Đại Việt những năm đầu thế kỷ XV, nhận thức rõ mối nguy cơ xâm lược và chuẩn bị những chính sách về ngoại giao và quân sự để đối phó.

Nhờ đó, ngay sau khi nhận được chiếu thư bố cáo việc “bình định An Nam” của triều Minh, Triều Tiên ngay lập tức thể hiện sự thân phục của mình bằng cách gửi sứ giả đáp lễ. Ngày 18 tháng 4 năm 1407, trong kỳ khảo thí văn quan của Triều Tiên, đề tài biểu văn được chọn là “Hạ bình An Nam” (*chúc mừng việc bình định An Nam*) đã tạo điều kiện cho sự hồi đáp nhanh chóng của Triều Tiên với triều Minh trong chỉ chưa đầy 10 ngày khi chiếu thư của nhà Minh chính thức tới Triều Tiên. Chưa đầy một tháng sau, ngày 9 tháng 5 năm 1407, Ham-Pu-Rim (1360-1410) được chỉ định làm chính sứ tới Nam Kinh để chúc mừng việc triều Minh chiến thắng. Nỗ lực này của Triều Tiên đã đạt được kết quả khi Ham-Pu-Rim trở về từ Nam Kinh, tâu rằng: “Hoàng đế đáp lại nói rằng, An Nam bất thuận, còn quân của Hoàng đế thì trượng nghĩa”. Theo đó, giữa Hoàng đế triều Minh với sứ giả Triều Tiên chắc chắn đã diễn ra những trao đổi về quan hệ Minh - Đại Việt, trong đó triều Minh cảnh báo sự bất thuận của Đại Việt đã khiến nhà Minh xuất quân (23).

Một ngày sau khi Ham-Pu-Rim trở về, một buổi tiệc úy lạo được tổ chức với sự tham gia của nhiều quan lại từng là sứ giả được cử tới Nam Kinh, trong đó, khi Thái Tông cùng bàn luận với Ham-Pu-Rim về ngoại giao Minh-Triều, hai vị vương tử của Triều Tiên cũng có mặt (24). Buổi tiệc úy lạo với những sứ giả vừa trở về từ Triều Minh này là sự chuẩn bị của Triều Tiên cho phái đoàn tiếp theo được cử sang Nam Kinh với sự tham gia của thái tử của Triều Tiên. Ngày 25 tháng 9, Thế tử Yi-Je (1394-1462) được cử làm chính sứ tới triều Minh để tiến hành nghi lễ chúc mừng trong tháng đầu tiên của năm mới (25). Điều đáng chú ý là vào năm 1404, Yi-Je đã nhận được sắc phong của Vĩnh Lạc. Chính sứ của sứ đoàn xin sắc phong thái tử năm 1404 là Yi-Nae, cũng đồng thời là người đã chứng

kiến sự kiện ở Nam Kinh liên quan đến tính chính thống về vương vị ở Đại Việt; và những kinh nghiệm đó của ông có thể có ích với mục đích nhấn mạnh sự chính thống của họ Lý của đoàn sứ Triều Tiên. Lần này (năm 1407), cùng với thái tử Yi-Je là chính sứ trực tiếp tiến biểu tới Hoàng đế, Yi-Nae được phong làm phó sứ và được vua Yi-Pang-Won trực tiếp chỉ định cho ông trách nhiệm tiết xưng danh vị của thái tử là thái tử Phụ Đức với triều Minh. Việc để thái tử trực tiếp tiến biểu tới Hoàng đế như vậy là sự nhận thức rõ của Triều Tiên rằng các quốc gia láng giềng sẽ không thể có được vị thế vững chắc và ổn định về chính trị và ngoại giao với Triều Minh khi người đứng đầu quốc gia đó không duy trì được quan hệ hữu hảo với Hoàng đế (26). Do đó, cùng với việc thể hiện sự thần phục của mình, Triều Tiên cũng đã nỗ lực làm rõ với triều Minh về tính chính thống của mình với việc cử Yi-Je, Yi Nae sang Nam Kinh, khẳng định lại việc Vĩnh Lạc đã công nhận và sắc phong cho thái tử, người kế thừa vương vị hợp pháp của dòng họ Lý ở triều Tiên.

Nhờ đó, đến cuối năm 1407, đầu năm 1408, Triều Tiên đạt được thêm một sự đảm bảo khi thái tử Yi-Je trở về, và nhận được sắc là Triều Tiên Phụ Đức thái tử phong từ hoàng đế triều Minh. Sau đó, việc kiên trì thực thi chính sách *Sự đại* cũng đã giúp Triều Tiên duy trì thường xuyên sự triều cống và quan hệ ổn định với triều Minh, tránh được những nguy cơ và mối đe dọa từ một cuộc chiến tranh và xâm lược như trường hợp của Đại Việt.

### 3. Nhận xét

Bối cảnh những năm đầu thế kỷ XV cùng với nhiều sự biến phức tạp về chính trị, quân sự và ngoại giao đã khiến lịch sử Đại Việt và Triều Tiên chuyển biến theo hai chiều hướng khác nhau trong quan hệ

với triều Minh. Tính chính thống và các vấn đề tranh chấp biên giới, xung đột quân sự đã khiến vương triều Hồ thất bại trong việc bảo vệ nền độc lập. Trong khi đó, với việc kiên trì thực thi đường lối ngoại giao *Sự đại*, luôn luôn thể hiện sự thần phục và khẳng định tính chính thống của mình, Triều Tiên đã rất thành công trong việc bảo vệ và duy trì nền độc lập. Dưới thời Yi-Seong-Gye, những nỗ lực ngoại giao của Triều Tiên chủ yếu là để đạt được sự công nhận vương vị của ông. Còn khi Yi-Pang-Won đã được sắc phong, Triều Tiên lại thực hành chính sách *Sự đại* lại để duy trì, củng cố và giữ ổn định tính chính thống của họ Lý trong quan hệ ngoại giao với nhà Minh và tránh khỏi những xung đột chính trị, quân sự. Tám gương và bài học từ trường hợp Đại Việt khiến những ứng xử trong đối ngoại của Triều Tiên đều thể hiện rõ nước này thực tế đã tìm cách để tránh khỏi những thất bại như của Đại Việt trong quan hệ với triều Minh.

Mặc dù quá trình đấu tranh ngoại giao của Triều Tiên từ thời vua Yi-Seong-Gye đến khoảng đầu thế kỷ XV có nhiều điểm tương đồng với cuộc đấu tranh của họ Hồ ở Đại Việt nhưng đến thời Yi-Pang-Won, Triều Tiên đã thành công trong việc duy trì quan hệ ngoại giao tương đối hòa bình với triều Minh. Những kinh nghiệm về sự thay đổi thái độ của triều Minh đối với tính chính thống trong vương vị ở Đại Việt có thể đã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Triều Tiên đạt được sự bảo đảm tương đối về quan hệ ổn định với triều Minh. Những ứng xử của Triều Tiên cho thấy mục đích căn bản trong ngoại giao từ năm 1403 tới 1407 của họ Lý là nhận được sự công nhận chính thức của triều Minh về vương vị và tính chính thống, tránh bị coi là kẻ soán ngôi như họ Hồ ở Đại Việt. Cho

đến năm 1405, khi Vĩnh Lạc tuyên bố chinh phạt Đại Việt, Triều Tiên đã thành công đạt được 2 sự công nhận của nhà Minh: lần thứ nhất, vào năm 1401 triều Minh sắc phong Yi-Pang-Won là Triều Tiên quốc vương, công nhận sự tồn tại của vương triều Lý; lần thứ hai, vào năm 1404 Vĩnh Lạc sắc phong Yi-Je làm thái tử Triều Tiên, công nhận người thừa kế chính thức của họ Lý. Sau khi chiến tranh giữa triều Minh và triều Hồ xảy ra, những nỗ lực của vương triều Lý chủ yếu tập trung củng cố những thành tựu đạt được đó: khẳng định vương quyền, quyền thừa kế của thái tử và nhấn mạnh tính chính thống của dòng họ Lý với triều Minh.

Có thể nói, những chuyển biến trong quan hệ Minh - Đại Việt đầu thế kỷ XV đã đặt ra những nguy cơ và thách thức. Đó là mối nguy hiểm khi quan hệ Minh - Triều Tiên cũng có thể diễn tiến theo hướng không thể lường trước. Tuy nhiên, điều đó cũng mang lại cho Triều Tiên những bài học có thể áp dụng để xây dựng đường lối ngoại giao với Triều Minh của mình. Được xem là tiếp thụ những tư tưởng từ *Hoa di quan* của người Trung Quốc, cũng như chứng kiến

quan hệ triều cống giữa Đại Việt với triều Minh đột ngột thay đổi; Đại Việt bị nhà Minh đô hộ, Triều Tiên đã xây dựng và kiên trì chính sách *Sự đại*, với hai trong số những mục tiêu quan trọng nhất mà Triều Tiên là thực hiện các lễ nghi triều cống để thể hiện sự thần phục Triều Minh và khẳng định tính chính thống về vương vị của dòng họ Lý. Có thể nói sự thành công của chính sách này đã góp phần bảo vệ và duy trì mối quan hệ tương đối ổn định và hòa bình tương đối lâu dài cho Triều Tiên từ đầu thế kỷ XV trở về sau. Những hiểu biết và nhận thức của Triều Tiên về quan hệ Minh-Đại Việt đầu thế kỷ XV đã để lại những dấu ấn trong chính sách *Sự đại*, điều đã góp phần bảo vệ thành công nền độc lập của Triều Tiên. Sự duy trì những chủ trương ngoại giao ấy của Triều Tiên trong những thế kỷ tiếp theo đã trở thành nhân tố quan trọng đối với sự tồn tại của vương triều Lý và nền độc lập của Triều Tiên. Những điều ấy đã tạo ra sự khác biệt, lịch sử Triều Tiên và Đại Việt diễn tiến theo hai con đường hoàn toàn khác nhau trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XV.

## CHÚ THÍCH

(1). Cuối thế kỷ XIV-đầu thế kỷ XV, quốc hiệu của Việt Nam có những thay đổi. Vương triều Trần (1225-1400) sử dụng quốc hiệu là Đại Việt; triều Hồ (1400-1407) đặt quốc hiệu là Đại Ngu; triều Minh sau khi xâm lược Đại Ngu lại biến lãnh thổ Đại Ngu thành quận Giao Chỉ. Trong bài viết này chúng tôi thống nhất sử dụng cách gọi Đại Việt.

(2). Park Won Hok, *Nghiên cứu quan hệ Minh sơ kỳ và Triều Tiên*, Il Jeo Kak, 2002 (朴元燦, 明初朝鮮關係史研究, 一潮閣, 2002), tr. 6-8; 285-286.

(3). Fuma Susumu, "Ming-Qing China's Policy towards Vietnam as a Mirror of Its Policy towards Korea: With a Focus on the Question of Investiture and 'Punitive Expeditions'", *Memoirs of the Research Department of the Toyo Bunko* 65, 2007, tr. 9-10.

(4). *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, trong: *Triều Tiên vương triều thực lục*, Quốc sử biên toàn ủy viên hội, Seoul, 1973 (朝鮮王朝實錄, 國史編纂委員會, 2003), 1:32a-b.

(5). Denis Twitcher and John K. Fairbank (general editors), *The Cambridge History of China*,



Volume 7: *Ming dynasty, 1368-1644*, Part I, Cambridge University Press, 2008, tr. 205-206.

(6). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, tập 1 và 2, Hồ Bạch Thảo dịch và chú thích, Nxb. Hà Nội, 2010, tr.196.

(7). Hồ Hán Thương trong ngoại giao với triều Minh tự xưng tên là Hồ Đê. Trong các ghi chép của *Minh thực lục*, tên của Hồ Hán Thương được chép là Hồ Đê.

(8). *Minh Thái tông thực lục*, trong: *Minh thực lục*, Viện nghiên cứu trung ương Lịch sử và ngôn ngữ trung ương, 1966 (明實錄, 中央研究院歷史語言研究所校印, 臺北, 1966), 19:1a.

(9). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr.197.

(10). Yi Kuy Ryeong được vua Thái Tông của Triều Tiên phong sai sứ tới Nam Kinh từ ngày 26 tháng 1 năm 1403. Ông đã trở lại Triều Tiên, mang theo chiếu thư của Vĩnh Lạc gửi vua Triều Tiên vào tháng 6 năm đó (*Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 1:256 và 268). Đến năm 1407, Yi-Kuy-Ryeong lại giữ chức chính sứ và được cử tới Nam Kinh một lần nữa (*Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 1:397). Rất có thể Yi-Kuy-Ryeong và đoàn sứ giả Triều Tiên đã cùng tham dự trong một buổi tiếp kiến, và chiêu đãi sứ giả ở triều Minh và được chứng kiến các hoạt động của sứ Đại Việt hoặc biết về đoàn sứ giả được gửi tới Nam Kinh bởi họ Hồ với tư cách người đứng đầu Đại Việt.

(11), (14). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr. 198 & 201.

(12). Chính sứ Yi-Pin và phó sứ Min-Mu-Hyul của Triều Tiên được cử tới Nam Kinh từ giữa tháng 11 năm 1403 (*Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 6:25a-26a).

(13). *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 7:11a-b.

(14). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr. 203.

(15). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr. 205-207.

(16). Trong các tài liệu, những ghi chép về Trần Thiêm Bình có sự khác biệt. *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chép tên thật của Trần Thiêm Bình là Nguyễn Khang. *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* lại chép là Trần Khang. Người này vốn là gia nô của một

địa chủ Trần Tông, là một hào trưởng ở phía Nam, gần biên giới Đại Việt với Champa. Khi Đại Việt và Champa xảy ra xung đột, triều Trần đã bắt giam và trừng phạt nhiều hào trưởng địa phương từng ủng hộ Champa trong đó có Trần Tông. Khi đó, Trần Khang/Nguyễn Khang đã bỏ trốn sang Ai Lao, chạy tới Nam Kinh. Ngoài ra, *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chép nhân vật này tự xưng là Trần Thiêm Bình, còn *Minh thực lục* lại chép nhân danh đó là Trần Thiên Bình. *Minh Thái Tông thực lục*, Quyển 33:10b-11b., Sdd, tr. 838-839; Viện sử học, *Lịch sử Việt nam*, tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, 2007, tr. 45.

(17). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr. 210.

(18). *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, sdd, tập 1, tr. 219.

(19). Chính sứ Yi-Nae trước khi đi sứ đã được Triều Tiên quốc vương phong là Tham tán ti bình phủ sự. *Minh thực lục* chép chính sứ Triều Tiên tới Nam Kinh xin sắc phong thái tử là Lý Lỗi. Trong *Triều Tiên thực lục* lại không có nhân vật Lý Lỗi, trong khi người được Triều Tiên Thái Tông sai sứ được chép là Lý Lai. Đối chiếu đó cho thấy tên nhân vật này được chép khác nhau trong 2 tài liệu. *Minh Thái tông thực lục*, 37:2b-3a; *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 8:12b.

(21). *Minh Thái Tông thực lục*, 37:3a & 53.2a.

(22), (23). *Triều Tiên Thái tông thực lục*, 13:16b-17a, 13:17b-18a & 14:24b.

(24). *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 14:24b.

(25). Yi-Je là con trai trưởng của Triều Tiên Thái Tông Yi-Pang-Won, đã được phong làm thái tử vào năm 1404. Sau này do thái tử Yi-Je và hoàng tử thứ 2 Yi-Bo thực hiện những hành động xấu tại triều đình Triều Tiên, ngôi vị thế tử của Yi-Je đã bị tước bỏ. Hoàng tử thứ 3 Yi-Do (1397-1450) đã được sắc phong thế tử vào năm 1409 và sau này trở thành vua Thế Tông (1418-1450) của Triều Tiên. *Triều Tiên Thái Tông thực lục*, 4:29a-30a.

(26). Wang Gungwu, *China and the Chinese overseas*, The Academic Press, 1991, tr. 40.